TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TT** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Số: 46/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/9/2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT – TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Duy Hiếu.
2. Ông Huỳnh Văn Minh..

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Chau Chanh Đô Ra - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa*:** Ông Chau Pho Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 253/2019/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 8 năm 2019 về: *"Tranh chấp ly hôn",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐXX- DS ngày 10 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim T, sinh năm: 1983; địa chỉ: Tổ M, ấp TB B, xã VC, huyện TS, tỉnh An Giang.

Chỗ ở: Tổ B, ấp TL, xã CT, huyện TT, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Mai Văn Ti, sinh năm: 1979; địa chỉ cư trú: Tổ B, ấp TL, xã CT, huyện TT, An Giang.

(Tại phiên tòa các ông bà T, Ti cùng có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/7/2019 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại tòa, bà Nguyễn Kim T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà với ông Ti được hình thành là do hai người tự tìm hiểu yêu thương nhau, không tổ chức đám cưới, nhưng có đăng ký kết hôn ngày 15/8/2005 tại UBND xã CT, huyện TT, theo quyển 01 số 76. Cuộc sống chung không hạnh phúc, nguyên nhân do bà thương yêu tự đến với ông Ti mà không thông qua gia đình, từ đó khi sống chung bà không có quyền, mọi thu chi trong gia đình thì mẹ ông Ti quản lý, bà như là người làm công….Đối với ông Ti thì lo ăn nhậu, khi

làm được tiền thì giao cho mẹ ruột, bản thân bà phải tự lo, nhiều lần khuyên nhưng ông Ti không nghe nên thường xuyên cải vã. Mâu thuẫn cứ vậy kéo dài buộc lòng bà phải bỏ nhà đi 04 lần; lần đầu bỏ đi 03 ngày, lần 02 bỏ đi 10 ngày; lần 3 bỏ đi 06 tháng; lần 4 bỏ đi 03 tháng và 01 lần bà gửi đơn ly hôn đến Tòa án. Sau mỗi lần bỏ đi cũng như gửi đơn ly hôn thì ông Ti đến năn nĩ, hứa sửa đổi thì cha mẹ động viên về chung sống lại, nhưng không bao lâu thì tính nào tật nấy. Cách nay 09 tháng ông bà không chung sống với cha mẹ nữa mà ra thuê nhà sống riêng, hiện chung sống trong nhà nhưng không ai quan tâm ai, nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà xin ly hôn với ông Ti.

Về quan hệ con chung: Bà với ông Ti có 02 con chung 1/ Mai Nguyễn Nh, sinh ngày 14/6/2002; 2/ Mai Nguyễn Ph, sinh ngày 15/02/2008. Hiện hai con sống chung trong nhà, nếu ly hôn bà yêu cầu được nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà với ông Ti không có tài sản chung và không có nợ chung.

Bị đơn ông Mai Văn Ti trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông với bà T được hình thành đúng như bà T trình bày, nhưng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn không hoàn toàn đúng như bà T khai, mà khi về chung sống khoảng 02 - 03 năm đầu ông làm được tiền thì đưa cho mẹ ruột, vì bà quán xuyến thu chi trong gia đình và nuôi con ông, sau đó thì không còn nữa mà tiền làm được ông đưa cho bà T toàn bộ. Ông cũng thừa nhận có nhậu, nhưng chỉ vui với anh em cùng xóm, chứ không phải bê tha; còn việc bà T bỏ nhà đi là do bà tự động, muốn làm gì thì tự làm, bà và cha mẹ có khuyên cũng không nghe. Cách nay 09 tháng bà T dọn đồ ra ngoài sống, ông vì thương vợ nên phải đi theo, nhưng sống chung có gì không phải ông góp ý thì bà T không nghe mà hầu như đổ lỗi cho ông; ông xét thấy bản thân không sai trật và luôn mong muốn con không thiếu tình thương của một bên nào, nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Về quan hệ con chung: Đúng là ông với bà T có 02 con chung, họ tên và ngày tháng năm sinh như bà T trình bày. Khi ly hôn, tùy định đoạt của các con, nhưng nếu các con sống với mẹ thì ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Thống nhất với trình bày của bà T.

Giai đoạn hòa giải cũng như tại phiên tòa, hai bên thống nhất tự thỏa thuận về con chung, tài sản chung và nợ chung không có. Riêng quan hệ hôn nhân hai bên vẫn bảo lưu.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Bà T xin ly hôn, tuy ông Ti không đồng ý, nhưng qua trình bày của hai bên tại phiên tòa cũng như tại các biên bản xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án cùng ngày 09/9/2019 thì xét việc bà T xin ly hôn là có cơ sở; đối với con chung hai bên

thỏa thuận phù hợp với ý nguyện của hai cháu, nên đề nghị công nhận. Hai bên cũng xác định không có tài sản chung và nợ chung, nên không đề cặp xem xét giải quyết. Từ phân tích trên đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Bà T khởi kiện: "Tranh chấp ly hôn" với ông Ti, là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông Ti có địa chỉ cư trú tại xã CT, huyện TT, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện TT giải quyết đúng thẩm quyền.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà T và ông Ti kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2005, hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 15/8/2005 tại UBND xã CT, huyện TT, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 76, theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình, nên xem là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà T bảo lưu ý kiến của mình. Thể hiện, do bà không có quyền, xem bà như là người làm công….Đối với ông Ti thì lo ăn nhậu, làm được tiền thì giao cho mẹ ruột, bản thân bà phải tự lo, bà với ông Ti thường xuyên cải vã, bà bỏ nhà đi nhiều lần… Ông Ti xét thấy không sai trật và không muốn con không thiếu tình thương của một bên nào, nên không đồng ý ly hôn. Theo đó, HĐXX xét thấy:

Tại các biên bản xác minh cùng ngày 09/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện TT, thể hiện: Thời gian trước đây bà T, ông Ti sống chung trong nhà cha mẹ chồng thấy hạnh phúc, nhưng gần đây thì mâu thuẫn với mẹ và chị em bên chồng, nên hai người ra thuê nhà sống riêng, thời gian sống riêng thấy ông Ti cũng có uống rượu cãi vã với bà T và bà T bỏ nhà đi nhiều lần… thấy với thái độ kiên quyết của bà T thì việc cố duy trì cho hai người chung sống là không thể..

Với những chứng cứ thu thập đối chiếu với trình bày hai bên tại tòa, xét mâu thuẫn giữa bà T – ông Ti không những với phạm vi hai ông bà mà ảnh hưởng đến gia đình ông Ti và mâu thuẫn này trong thời gian dài, nên dù cho ông Ti có thêm thời gian để hàn gắn cũng không kết quả, do đó HĐXX nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Xét thấy, hai cháu Mai Nguyễn Nh, Mai Nguyễn Ph hiện sống chung trong nhà, nhưng cháu Nh đang học nghề, cháu Ph học lớp 6 tại trường Trung học Cơ sở Cô Tô. Nếu ly hôn, ý nguyện của cháu Nh sống với mẹ, cháu Ph sống với cha, được bà T, ông Ti thống nhất. Xét thống nhất thỏa thuận giữa bà T – ông Ti là tự nguyện phù hợp pháp luật. Nhằm ổn định học tập của hai cháu, không để xáo trộn tâm sinh lý và phát triển tốt về sau, HĐXX nghĩ nên công nhận.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho bà T – ông Ti biết: Trong thời gian nuôi con, ông Ti – bà T cùng người thân trong gia đình không được cản trở bà T – ông Ti trong

việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn các bên có khó khăn về kinh tến thì yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa hai bên không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[4] *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung:* Bà T – ông Ti khai không có tài sản chung và không có nợ chung, nên HĐXX không đề cặp giải quyết.

[6] *Về án phí*: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; hai bên không chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Kim T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Kim T được ly hôn với ông Mai Văn Ti.

Về quan hệ con chung: Bà T được tiếp tục nuôi cháu Mai Nguyễn Nh, sinh ngày 14/6/2002; ông Ti được tiếp tục nuôi cháu Mai Nguyễn Ph, sinh ngày 15/02/2008.

Công nhận tự nguyện bà T – ông Ti không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Bà T – ông Ti cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông Ti – bà T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Bà T – ông Ti khai không có tài sản chung.

Về quan hệ nợ chung: Bà T – ông Ti khai không có nợ chung.

Về án phí: Bà Nguyễn Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012106 ngày 01/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT (*bà T nộp đủ*).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/9/2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- UBND xã CT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

Lê Văn Huệ